TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **56**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2018
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân :

Bà Dương Thị Bình

Ông Mai Hồ Hải Thành

-Thư ký phiên tòa : Bà Phạm Thị Thảo – Là Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 14tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 20182018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HPT ngày 25/10/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Y N. Sinh năm : 1987. Nghề nghiệp: Trưởng bộ phận Buồn phòng Khách sạn Orchidees.Trú tại: k25/3 N, phường A, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Thành Nhật T. Sinh năm : 1981. Nghề nghiệp: Không. Trú tại : Phòng 113 Chung cư C2 nhà D đường D, phường N, quận S, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2018 nộp đến Tòa án ngày 31/7/2018, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Y N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Bà N và ông Thành Nhật T kết hôn vào năm 2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn vợ chồng bà N sống tại chung cư C2, nhà D- đường D, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng. Bà và chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Thành Nhật T sống không chung thủy. Từ năm 2016 đến nay ông Thành Nhật T có sử dụng chất kích thích (ma túy đá), thường xuyên quậy phá, đánh đập bà N mỗi khi sử dụng xong chất ma túy. Vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải và chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông Thành Nhật Tvẫn không thay đổi. Hiện nay, bà N và ông T đã sống riêng với nhau, không ai quan tâm nhau trong cuộc sống, bà N xác định không còn tình cảm với ông Thành Nhật T nên bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Thành Nhật T.

Về con chung : Bà Y N xác định có 02con chung là Thành Nhật L, sinh ngày 12/01/2011, và Thành Y Nhật L, sinh ngày 12/7/2016. Nếu ly hôn, Bà N có nguyện vọng là được nuôi cả 02 con Thành Nhật L và Thành Y Nhật L cho đến khi con trưởng thành, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có.

Về nợ chung : Bà N xác định không có.

Bị đơn, ông Thành Nhật T từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa

xét xử đúng nguyên tắc chung. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung xét thấy quan hệ hôn nhân của bà N và ông T đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho bà N được ly hôn ông T; về con chung bà Y N có nguyện vọng là được nuôi cả 02 con là Thành Nhật L, sinh ngày 12/01/2011 và Thành Y Nhật L, sinh ngày 12/7/2016 cho đến khi con trưởng thành, ông T không có ý kiến, yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản chung, nợ chung: không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]**Về thủ tục tố tụng**: Ông Thành Nhật T là bị đơn trong vụ án, đã đ□ợc Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nh□ng không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Bà Y N và ông Thành Nhật T kết hôn năm 2011 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 cấp ngày 24/6/2011. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Bà N và ông T sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà N trình bày là do ông T sống không chung thủy. Từ năm 2016 đến nay ông Thành Nhật T có sử dụng chất kích thích (ma túy đá), thường xuyên quậy phá, đánh đập bà N mỗi khi sử dụng xong chất ma túy. Vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải và chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông Thành Nhật Tvẫn không thay đổi.Hiện nay, bà N đã ôm con

ra ngoài ở riêng và tự thân đi làm nuôi con từ năm 2016 cho đến bây giờ. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà N xác định không còn yêu thương ông T nên xin được ly hôn, còn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về quan hệ hôn nhân này. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N thì thấy: Giữa bà N và ông T từ khi kết hôn năm 2011 đến nay hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình. Đối với ông T có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ không còn tha thiết với chính gia đình của mình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung. Đại diện tổ dân phố nơi ông bà sinh sống xác định giữa bà N và ông T có mâu thuẫn nên bà N và ông T thương xuyên cãi nhau, đập đồ đạc gây mất trật tự công an phải xuống giải quyết mâu thuẫn, bà N đã sống ly thân với ông T từ năm 2016 đến nay. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân mà thực tế đã không còn tồn tại nữa mà giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Bà N xác định có 02 con chung là Thành Nhật L, sinh ngày 12/01/2011, và Thành Y Nhật L, sinh ngày 12/7/2016 và có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con. Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu Thành Nhật L và Thành Y Nhật L đang chung sống với bà N, ông T không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con nên cần tiếp tục giao con Thành Nhật L, sinh ngày 12/01/2011, và Thành Y Nhật L, sinh ngày 12/7/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Do bà N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập đến.

[4]Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y N xác định không có. Ông Thành Nhật T không có ý kiến gì về các vấn đề này nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn bà Y N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Y N đối với ông Thành Nhật T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Y N được ly hôn với ông Thành Nhật T.(*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y N đối với ông Thành Nhật T nên giấy chứng nhận kết hôn số 24 do UBND xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum cấp ngày 24/6/2011 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: Giao con Thành Nhật L, sinh ngày 12/01/2011, và Thành Y Nhật L, sinh ngày 12/7/2016 cho bà Y N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Thành Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung .

- Về tài sản chung: Không đề cập đến

- Về nợ chung : Không đề cập đến

* Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Y N phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, biên lai thu số 008927 ngày 15/8/2018.

Báo cho bà Y N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/11/2018. Riêng ông Thành Nhật T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân quận Sơn Trà - Đà Nẵng;*
- *Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà, ĐN;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kom Tum*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

HỒ THỊ MỸ DUNG